

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 03 -5 - 2024
“Về việc Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Thị Thu Vân.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Tô Hiệp;
2. Bà Nguyễn Thị Tâm
- **Thư ký phiên toà:** Bà Hà Thị Diễm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Định
hoá, tỉnh Thái Nguyên.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên
tham gia phiên tòa:** Ông Đinh Ngọc Vĩnh- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá,
tỉnh Thái nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2024/TLST-HNGĐ
ngày 22 tháng 01 năm 2024, về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử
số: 10/2024/QĐXX-ST ngày 04 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên Toà
số 05/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 04 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị T, sinh năm: 1978
Địa chỉ: Xóm K, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
(Có mặt)
2. *Bị đơn:* Anh Ma Khắc C, sinh năm: 1975.
Địa chỉ: Xóm K, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên
đơn chị Hoàng Thị T trình bày:

Chị và anh Ma Khắc C kết hôn với nhau vào ngày 28/12/1996, có đăng ký
kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi kết hôn

có tìm hiểu, hôn nhân là tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn chị về nhà anh **C** làm dâu và chung sống cùng gia đình chồng. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là trong ăn ở sinh hoạt gia đình và cách nuôi dạy con cái, bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh **C** mãi chơi không chịu làm ăn, chị khuyên bảo nhưng anh **C** không thay đổi nên vợ chồng đã liên tục xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau và đã xảy ra xô sát nhiều lần, sống không hạnh phúc, mâu thuẫn càng trầm trọng hơn đến tháng 02/2021 tuy vợ chồng vẫn ở chung nhà nhưng đã ly thân cho đến nay. Anh **C** không đồng ý ly hôn là gây khó khăn cho chị, thực tế vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay chị **T** xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị cương quyết xin ly hôn anh **C**.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là **Ma Thị C1**, sinh ngày 03/12/1999 và **Ma Văn K**, sinh ngày 03/10/2001, hiện các con đều đã trưởng thành, hoàn toàn khỏe mạnh, lao động tự túc được. Ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị **T** xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Chị **T** xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Về phía bị đơn anh **Ma Khắc C**:*

Tại phiên tòa ngày hôm nay anh **C** vắng mặt, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành làm việc lấy lời khai của anh. Tại biên bản lấy lời khai anh **C** xác định: Về thời gian tổ chức lễ cưới, quá trình chung sống, thời gian sống ly thân như chị **T** trình bày là đúng, anh **C** không có gì phải bổ sung thêm. Anh **C** xác định vợ chồng tổ chức lễ cưới vào ngày 28/12/1996 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **Đ**, tỉnh **Thái Nguyên**. Trước khi kết hôn anh, chị được tự nguyện tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình đồng ý và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn chị **T** về nhà anh làm dâu ngay và chung sống cùng gia đình nhà chồng. Trong quá trình chung sống vợ chồng có thời gian hòa thuận hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, vợ chồng cãi vã chỉ lời qua tiếng lại vài lời xong thôi, chưa xảy ra xô sát lần nào, vợ chồng hiện vẫn chung sống một nhà, không ly thân, anh vẫn quan tâm yêu thương chị **T**. Nguyên nhân mâu thuẫn do cách ăn ở sinh hoạt và nuôi dạy con cái. Nay xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn. Chị **T** xin ly hôn anh không nhất trí.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là **Ma Thị C1**, sinh ngày 03/12/1999 và **Ma Văn K**, sinh ngày 03/10/2001, hiện các con con đều đã trưởng thành, hoàn toàn khỏe mạnh, lao động tự túc được. Ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh **C** xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Anh **C** xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trước khi chuyển sang phần nghị án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Hóa về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án.

Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn anh **Ma Khắc C** từ khi bị khởi kiện về việc ly hôn đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp, cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án hợp lệ nhưng đều vắng không có lý do. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện Định Hóa xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **T**, chị **T** được ly hôn anh **C**. Về con chung: **Ma Thị C1**, sinh ngày 03/12/1999 và **Ma Văn K**, sinh ngày 03/10/2001 đều đã trưởng thành, hoàn toàn khỏe mạnh, lao động tự túc được, vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết; Về tài sản chung: Chị **Hoàng Thị T** và anh **Ma Khắc C** đều xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết; Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Không có, vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết; Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định của pháp luật, tiến hành hòa giải vợ chồng về đoàn tụ nhưng không tiến hành hòa giải được do anh **C** không đến Tòa án làm việc. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Hoàng Thị T và anh Ma Khắc C có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi kết hôn, có tìm hiểu, hôn nhân là tự nguyện. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị T và anh Ma Khắc C là hợp pháp. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh Ma Khắc C. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án ly hôn mà bị đơn cư trú tại xóm K, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự trong vụ án: Quá trình giải quyết vụ án anh Ma Khắc C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt 02 lần tại phiên Tòa. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh C.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T nhận thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian hòa thuận, hạnh phúc, sau đó vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn trong ăn, ở sinh hoạt hàng ngày. Chị T cho rằng do anh C không quan tâm đến chị, con cái và gia đình, không biết làm ăn lại thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu dẫn đến vợ chồng thường xuyên chửi mắng, xúc phạm nhau, chị góp ý nhưng anh C không nghe. Anh C cho rằng vợ chồng bất đồng về quan điểm sống là mâu thuẫn nhỏ nhất trong ăn ở sinh hoạt gia đình và nuôi dạy con cái. Như vậy, cho thấy giữa hai vợ chồng đã không tìm được tiếng nói chung, có mâu thuẫn, ai cũng có lý do và đổ lỗi cho nhau về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, dẫn đến việc chị T xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của anh C, Tòa án cũng đã giải thích quyền, nghĩa vụ của đương sự cho anh C nghe, anh C xác định hiểu, tuy nhiên anh C xác định sẽ không đến Tòa án để làm việc. Việc lấy lời khai của anh C được chính quyền địa phương xác nhận.

Quá trình giải quyết Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải nhưng anh C không đến Tòa án. Từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay chị T và anh C vẫn không thể hàn gắn tình cảm. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay chị T cương quyết xin được ly hôn anh C. Điều đó cho thấy mâu

thuần vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị **T** là có căn cứ, đúng thực tế. Căn cứ Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu xin ly hôn của chị **T** cần được chấp nhận.

[2.2]. Về con chung xét thấy: Chị **T**, anh **C** có hai con chung là **Ma Thị C1**, sinh ngày 03/02/1999 và **Ma Văn K**, sinh ngày 03/10/2001 đều đã trưởng thành, hoàn toàn khỏe mạnh, lao động tự túc được. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị Thu, anh **C** xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: Chị Thu, anh **C** xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo heo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; 144; 147; 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, Điều 53; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Hoàng Thị T**. Chị **Hoàng Thị T** được ly hôn anh **Ma Khắc C**.

2. Về con chung: Chị **Hoàng Thị T** và anh **Ma Khắc C** có hai con chung là **Ma Thị C1**, sinh ngày 03/02/1999 và **Ma Văn K**, sinh ngày 03/10/2001, đã trưởng thành, khỏe mạnh bình thường, lao động tự túc được. Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị **Hoàng Thị T** và anh **Ma Khắc C** xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về khoản có cho vay chung, khoản nợ chung: **Hoàng Thị T** và anh **Ma Khắc C** xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Hoàng Thị T** phải chịu 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006209 ngày 22/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Hóa. Chị **T** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn tại phiên tòa báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Định Hoá (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Định Hóa;
- UBND xã Trung Lương;
- Các đương sự;
- lưu Hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Thu Vân